



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. HCM

MẪU VỈ ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI

- Mẫu nhãn vỉ chứa 10 viên nén nhai
(SLSX, HD được dập nổi trên vỉ)



Ngày 08 Tháng 02 Năm 2025
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



DS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. HCM

MẪU HỘP ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI

- Mẫu nhãn hộp chứa 2 vỉ

Cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN Lô C16, Đường số 9, KCN Hiệp Phước, H. Nhà Bè, TP. HCM	
Viên nén nhai Atilair chew Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 5 mg	Rx THUỐC KÊ ĐƠN GMP - WHO Atilair chew Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 5 mg Viên nén nhai Hộp 2 vỉ x 10 viên CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN 314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh
	Hạn dùng: Ngày sản xuất: Số lô sản xuất:
ĐỀ XA TẦM TAY TRẺ EM. ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG. SDK: Tiêu chuẩn: TCCS Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng. Bảo quản: Xem tên từ HDSD kèm theo. không mong muốn và các thông tin chi tiết khác: Chỉ định - Chống chỉ định - Liều dùng và cách dùng - Thận trọng - Tác dụng Tá được vừa đủ 1 viên. Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 5 mg	
Viên nén nhai Atilair chew Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 5 mg	

Ngày 08 Tháng 02 Năm 2025

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



DS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. HCM

MẪU HỘP ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI

- Mẫu nhãn hộp chứa 3 vì

Cơ sở sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
Lô C16, Đường số 9, KCN Hiệp Phước, H. Nhà Bè, TP. HCM

Rx THUỐC KÊ ĐƠN

GMP - WHO

Viên nén nhai



Montelukast

5 mg



Montelukast

(dưới dạng Montelukast natri)

5 mg

Viên nén nhai

Hộp 3 vỉ x 10 viên



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Số lô sản xuất:
Ngày sản xuất:
Hạn dùng:



ĐỀ XA TÂM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

ĐỀ XA TÀM TAY TRẺ EM.

SDK:

Tiêu chuẩn: TCCS

Nơi kho rão, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

Bảo quản:

Xem trên tờ HDSD kèm theo.

không mong muốn và các thông tin chi tiết khác:

Chị định - Chồng chị định - Liều dùng và cách dùng - Thận trọng - Tác dụng

100

(tư) dạng Montelukast natri)
Tà được chia đủ 1 viên

Montelukast 5 mg

Mann phan: *Man's phan*

Thành phần:

Montelukast

5 mg



Viên nén nhai

Ngày 08 Tháng 02 Năm 2025

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



DS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. HCM

MẪU HỘP ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI

- Mẫu nhãn hộp chứa 5 vỉ

Thành phần: Montelukast 5 mg (dưới dạng Montelukast natri) Tá được vừa đủ 1 vỉen. Chỉ định - Chống chỉ định - Liều dùng và cách dùng - Thận trọng - Tác dụng không mong muốn và các thông tin chỉ tiết khác: Xem trên tờ HDSD kèm theo.		Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng. Tiêu chuẩn: TCCS SĐK: ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM. ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.	
Viên nén nhai Atilair chew Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 5 mg Rx	Rx THUỐC KÊ ĐƠN GMP - WHO Atilair chew Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 5 mg Viên nén nhai Hộp 5 vỉ x 10 viên AT AN THIÊN PHARMA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN 314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh		
Cơ sở sản xuất CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN Lô C16, Đường số 9, KCN Hiệp Phước, H. Nhà Bè, TP. HCM Số lô sản xuất: Ngày sản xuất: Hạn dùng:			
Rx PRESCRIPTION DRUG GMP - WHO Atilair chew Montelukast (as Montelukast sodium) 5 mg Chewable tablet Box of 5 blisters x 10 tablets AT AN THIÊN PHARMA 314 Bông Sao Street, Ward 5, District 8, HCMC		Rx Atilair chew Montelukast (as Montelukast sodium) 5 mg Chewable tablet AT AN THIÊN PHARMA 314 Bông Sao Street, Ward 5, District 8, HCMC	

Ngày 08 Tháng 02 Năm 2025

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



DS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. HCM

MẪU HỘP ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI

- Mẫu nhãn hộp chứa 10 vỉ

Thành phần: Montelukast 5 mg (dưới dạng Montelukast natri) Tá dược vừa đủ 1 viên. Chỉ định - Chống chỉ định - Liều dùng và cách dùng - Thận trọng - Tác dụng không mong muốn và các thông tin chi tiết khác: Xem trên tờ HDSĐ kèm theo. Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng. Tiêu chuẩn: TCCS SĐK: ĐỂ XA TÀM TAY TRẺ EM. ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.	
Viên nén nhai Atilair chew Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 5 mg Hương cam	Rx THUỐC KÊ ĐƠN GMP - WHO Atilair chew Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 5 mg Viên nén nhai Hộp 10 vỉ x 10 viên AN THIÊN PHARMA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN 314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh
CƠ SỞ SẢN XUẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN Lô C16, Đường số 9, KCN Hiệp Phước, H. Nhà Bè, TP. HCM Số lô sản xuất: Ngày sản xuất: Hạn dùng:	
AN THIÊN PHARMACEUTICAL CORPORATION 314 Bông Sao Street, Ward 5, District 8, HCMC Atilair chew Montelukast (as Montelukast sodium) 5 mg Chewable tablet Box of 10 blisters x 10 tablets Orange flavor Rx PRESCRIPTION DRUG GMP - WHO	Atilair chew Montelukast (as Montelukast sodium) 5 mg Chewable tablet Orange flavor

Ngày 08 Tháng 02 Năm 2025

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



DS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Rx

Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

VIÊN NÉN NHAI

ATILAIR chew

“Để xa tâm tay trẻ em”

“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”

THÀNH PHẦN:

Hoạt chất: Montelukast 5 mg

(Dưới dạng Montelukast natri)

Tá dược: Vừa đủ 1 viên.

(Mannitol, microcrystallin cellulose 101, microcrystallin cellulose 102, hydroxypropyl cellulose, sunset yellow, crospovidon, aspartam, hương cam, colloidal silicon dioxyd, magnesi stearat).

DẠNG BẢO CHẾ: Viên nén nhai.

Mô tả sản phẩm: Viên nén tròn, màu cam.

CHỈ ĐỊNH

Atilair chew được chỉ định trong các trường hợp sau:

- Dự phòng và điều trị hen phế quản mạn tính ở trẻ em từ 6 - 14 tuổi, bao gồm kiểm soát các triệu chứng hen ban ngày và ban đêm, điều trị cho bệnh nhân hen nhạy cảm với aspirin.
- Dự phòng cơn co thắt phế quản do gắng sức ở trẻ em từ 6 - 14 tuổi.
- Làm giảm các triệu chứng ban ngày và ban đêm của viêm mũi dị ứng (viêm mũi dị ứng theo mùa và viêm mũi dị ứng quanh năm) ở trẻ em từ 6 - 14 tuổi.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG

Liều dùng

Dùng montelukast mỗi ngày một lần. Để chữa hen, cần uống thuốc vào buổi tối. Với viêm mũi dị ứng, thời gian dùng thuốc tùy thuộc vào nhu cầu của từng đối tượng.

Với người bệnh vừa hen vừa viêm mũi dị ứng, nên dùng mỗi ngày một liều, vào buổi tối.

Trẻ em 6 - 14 tuổi bị hen, co thắt phế quản do gắng sức và/hoặc viêm mũi dị ứng: Mỗi ngày một viên. Nhai viên nén trước khi nuốt.

Khuyến cáo chung

Hiệu quả điều trị của montelukast dựa vào các thông số kiểm tra hen sẽ đạt trong một ngày. Có thể dùng viên nén nhai montelukast cùng hoặc không cùng thức ăn. Cần dặn người bệnh tiếp tục dùng montelukast mặc dù cơn hen đã bị khống chế, cũng như trong các thời kỳ bị hen nặng hơn.

Không cần điều chỉnh liều cho bệnh nhi, cho người cao tuổi, người suy thận, người suy gan nhẹ và trung bình, hoặc cho từng giới tính.

Điều trị viên nén nhai montelukast liên quan tới các thuốc chữa hen khác

Montelukast có thể dùng phối hợp cho người bệnh đang theo các chế độ điều trị khác.

Giảm liều các thuốc phối hợp:

Thuốc giãn phế quản

Có thể thêm montelukast vào chế độ điều trị cho người bệnh chưa được kiểm soát đầy đủ chỉ bằng thuốc giãn phế quản. Khi có chứng cứ đáp ứng lâm sàng (thường sau liều đầu tiên), có thể giảm liều thuốc giãn phế quản nếu dung nạp được.



Corticosteroid dạng hít

Dùng kết hợp với viên nén nhai montelukast mang thêm lợi ích điều trị cho người bệnh đang dùng corticosteroid dạng hít. Có thể giảm liều corticosteroid nếu dung nạp được. Tuy nhiên, liều corticosteroid phải giảm dần dần dưới sự giám sát của bác sĩ. Ở một số người bệnh, liều lượng corticosteroid dạng hít có thể rút khỏi hoàn toàn. Không nên thay thế đột ngột thuốc corticosteroid dạng hít bằng viên nén nhai montelukast.

Cách dùng

Thuốc sử dụng đường uống. Viên nén phải được nhai trước khi nuốt.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Bệnh nhân quá mẫn với montelukast hay bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Chưa xác định được hiệu lực khi uống montelukast trong điều trị các cơn hen cấp tính. Vì vậy, không nên dùng montelukast các dạng uống để điều trị cơn hen cấp. Người bệnh cần được dặn dò dùng cách điều trị thích hợp sẵn có.

Có thể phải giảm corticosteroid dạng hít dần dần với sự giám sát của bác sĩ, nhưng không được thay thế đột ngột corticosteroid dạng uống hoặc hít bằng viên nén nhai montelukast.

Đã có báo cáo về các tác dụng thần kinh-tâm thần ở người bệnh dùng montelukast. Vì có các yếu tố khác có thể góp phần vào các tác dụng này, nên vẫn chưa biết rõ liệu các tác dụng này có liên quan đến montelukast hay không. Bác sĩ nên thảo luận các tác dụng không mong muốn này với người bệnh và/hoặc người chăm sóc bệnh nhân. Nên chỉ dẫn người bệnh và/hoặc người chăm sóc bệnh nhân việc thông báo cho bác sĩ biết nếu các tác dụng này xảy ra.

Trong một số trường hợp hiếm gặp, bệnh nhân dùng thuốc trị hen, bao gồm các thuốc đối kháng thụ thể leukotrien, đã gặp một hoặc nhiều phản ứng sau đây: tăng bạch cầu ưa eosin, phát ban viêm mạch, làm nặng hơn các triệu chứng ở phổi, các biến chứng ở tim và/hoặc bệnh thần kinh đôi khi được chẩn đoán là hội chứng Churg-Strauss là viêm mạch tăng bạch cầu ưa eosin hệ thống. Các trường hợp này đôi khi có liên quan tới sự giảm hoặc ngừng liệu pháp corticosteroid đường uống. Mặc dù chưa xác định được mối quan hệ nhân quả với các chất đối kháng thụ thể leukotrien, cần thận trọng và theo dõi chặt chẽ lâm sàng khi dùng montelukast.

Điều trị bằng montelukast vẫn yêu cầu tránh sử dụng aspirin và các thuốc chống viêm non-steroid khác ở bệnh nhân hen phế quản nhạy cảm với aspirin.

Sử dụng cho trẻ em

Viên nén nhai montelukast đã được nghiên cứu trên bệnh nhi từ 6 tháng đến 14 tuổi. Chưa có nghiên cứu về tính an toàn và hiệu quả của thuốc trên bệnh nhi dưới 6 tháng tuổi. Các nghiên cứu cho thấy montelukast không ảnh hưởng lên tỷ lệ phát triển của trẻ em.

Sử dụng cho người cao tuổi

Trong các nghiên cứu lâm sàng, không thấy có khác biệt gì về các thuộc tính an toàn và hiệu quả của montelukast liên quan đến tuổi tác.

Cảnh báo tá dược

Tá dược có chứa màu sunset yellow, có nguy cơ gây phản ứng dị ứng.

Sản phẩm thuốc có chứa aspartam, nguồn sinh ra phenylalanin. Bệnh nhân bị phenylketon niệu nên lưu ý mỗi viên nén nhai 5 mg chứa phenylalanin tương đương với 0,393 mg phenylalanin mỗi liều.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai

Trong thời kỳ mang thai, chỉ dùng Atilair chew khi thật cần thiết. Dữ liệu có sẵn từ các nghiên cứu đoàn hệ tiền cứu và hồi cứu được công bố với việc sử dụng montelukast ở phụ nữ mang thai đánh giá dị tật bẩm sinh lớn không xác lập được nguy cơ liên quan đến thuốc. Các nghiên cứu có sẵn có những hạn chế về phương pháp, bao gồm cỡ mẫu nhỏ, trong một số trường hợp thu thập dữ liệu hồi cứu và các nhóm so sánh không nhất quán.

Phụ nữ cho con bú

Chưa rõ sự bài tiết của montelukast qua sữa mẹ. Vì thuốc này có thể bài tiết qua sữa mẹ, nên người mẹ cần thận trọng khi dùng montelukast trong thời kỳ cho con bú.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Montelukast dự kiến sẽ không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc. Tuy nhiên, phản ứng của từng cá nhân đối với thuốc có thể khác nhau. Một số tác dụng phụ (như chóng mặt và buồn ngủ) đã được báo cáo với montelukast có thể ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc trên một số bệnh nhân.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Tương tác thuốc

Montelukast có thể được sử dụng với các biện pháp khác trong dự phòng và điều trị mạn tính bệnh hen và điều trị viêm mũi dị ứng. Trong các nghiên cứu về tương tác thuốc, thấy liều khuyến cáo trong điều trị của montelukast không có ảnh hưởng đáng kể trên lâm sàng tới dược động học của các thuốc sau: theophyllin, prednison, prednisolon, thuốc uống ngừa thai (ethinyl estradiol/norethindron 35/1), terfenadin, digoxin và warfarin.

Phenobarbital, chất gây chuyển hóa ở gan, làm giảm diện tích dưới đường cong trong huyết tương (AUC) của montelukast xấp xỉ 40% khi dùng một liều duy nhất montelukast 10 mg. Không khuyến cáo điều chỉnh liều montelukast. Cần thực hiện theo dõi lâm sàng thích hợp khi chất gây cảm ứng enzym CYP mạnh như phenobarbital hoặc rifampicin đang dùng đồng thời cùng montelukast.

Các nghiên cứu *in vitro* cho thấy montelukast là chất ức chế CYP 2C8. Tuy nhiên dữ liệu từ các nghiên cứu tương tác thuốc - thuốc trên lâm sàng của montelukast và rosiglitazon (là cơ chất đại diện cho các thuốc được chuyển hóa chủ yếu bởi CYP 2C8) lại cho thấy montelukast không ức chế CYP2C8 *in vivo*. Do đó, montelukast được dự đoán không làm thay đổi quá trình chuyển hóa của các thuốc được chuyển hóa chủ yếu qua enzym này (ví dụ như paclitaxel, rosiglitazon, repaglinid).

Các nghiên cứu *in vitro* cho thấy montelukast là một cơ chất của CYP 2C8, 2C9 và 3A4. Dữ liệu từ một nghiên cứu tương tác thuốc - thuốc trên lâm sàng với sự tham gia của montelukast và gemfibrozil (một chất ức chế cả CYP 2C8 và 2C9) cho thấy gemfibrozil làm tăng mức tiếp xúc toàn thân của montelukast lên 4,4 lần. Dùng đồng thời itraconazol, một chất ức chế mạnh CYP 3A4 với gemfibrozil và montelukast không làm tăng thêm mức tiếp xúc toàn thân của montelukast. Ảnh hưởng của gemfibrozil lên mức tiếp xúc toàn thân của montelukast không được xem là có ý nghĩa lâm sàng dựa trên dữ liệu an toàn lâm sàng với liều dùng lớn hơn 10 mg được phê duyệt cho người lớn (ví dụ: 200 mg/ngày ở bệnh nhân người lớn trong 22 tuần và lên tới 900 mg/ngày trong gần một tuần), không quan sát thấy các tác dụng không mong muốn có ý nghĩa lâm sàng. Do vậy, không cần điều chỉnh liều montelukast ở bệnh nhân dùng đồng thời với gemfibrozil. Dựa trên dữ liệu *in vitro*, những tương tác thuốc quan trọng về mặt lâm sàng với các thuốc ức chế CYP 2C8 đã biết (như trimethoprim) không được dự đoán trước. Thêm vào đó, dùng đồng thời montelukast với một mình itraconazol không làm tăng đáng kể mức tiếp xúc toàn thân của montelukast.

Tương kỵ

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC (ADR)

Montelukast đã được đánh giá trong các nghiên cứu lâm sàng ở những bệnh nhân bị hen dai dẳng như sau:

- Viên nén bao phim 10 mg ở khoảng 4.000 bệnh nhân người lớn và thiếu niên từ 15 tuổi trở lên
- Viên nén nhai 5 mg ở khoảng 1.750 bệnh nhân trẻ em từ 6 - 14 tuổi và
- Viên nén nhai 4 mg ở 851 bệnh nhân trẻ em từ 2 - 5 tuổi.
- Cốm 4 mg ở 175 bệnh nhân trẻ em từ 6 tháng - 2 tuổi.

Montelukast đã được đánh giá trong một nghiên cứu lâm sàng ở những bệnh nhân bị hen ngất quăng như sau:

- Cốm và viên nén nhai 4 mg ở 1.038 bệnh nhân trẻ em từ 6 tháng - 5 tuổi

Montelukast đã được đánh giá trong một nghiên cứu lâm sàng ở những bệnh nhân bị hen kèm viêm mũi dị ứng theo mùa như sau:

- Viên nén bao phim 10 mg ở khoảng 400 bệnh nhân người lớn và thiếu niên từ 15 tuổi trở lên.

Các phản ứng không mong muốn liên quan đến thuốc sau đây trong các nghiên cứu lâm sàng đã được báo cáo thường gặp ($\geq 1/100$ đến $< 1/10$) ở những bệnh nhân được điều trị bằng montelukast và với tỷ lệ mắc cao hơn so với ở những bệnh nhân được điều trị bằng giả dược:

Hệ cơ quan	Bệnh nhân người lớn và thiếu niên từ 15 tuổi trở lên (2 nghiên cứu 12 tuần; n = 795)	Bệnh nhi từ 6 - 14 tuổi (1 nghiên cứu 8 tuần; n = 201) (2 nghiên cứu 56 tuần; n = 615)	Bệnh nhân trẻ em từ 2 - 5 tuổi (1 nghiên cứu 12 tuần; n = 461) (1 nghiên cứu 48 tuần; n = 278)	Bệnh nhân trẻ em từ 6 tháng - 2 tuổi (1 nghiên cứu 6 tuần; n = 175)
Rối loạn hệ thần kinh	Nhức đầu.	Nhức đầu.	--	Tăng vận động.
Rối loạn hô hấp, ngực và trung thất	--	--	--	Hen.
Rối loạn tiêu hóa	Đau bụng.	--	Đau bụng.	Tiêu chảy.
Rối loạn da và mô dưới da	--	--	--	Viêm da eczema, Phát ban.
Rối loạn toàn thân và tình trạng tại chỗ dùng thuốc	--	--	Khát.	--

Với điều trị kéo dài trong các thử nghiệm lâm sàng trên số lượng bệnh nhân hạn chế trong thời gian đến 2 năm đối với người lớn và đến 12 tháng đối với bệnh nhân trẻ em từ 6 - 14 tuổi, hồ sơ về an toàn không thay đổi.

Về mặt tổng thể, 502 bệnh nhân trẻ em từ 2 - 5 tuổi được điều trị bằng montelukast trong ít nhất 3 tháng, 338 bệnh nhân trong 6 tháng hoặc lâu hơn và 534 bệnh nhân trong 12 tháng hoặc lâu hơn. Với điều trị kéo dài, hồ sơ về an toàn cũng không thay đổi ở những bệnh nhân này.

Hồ sơ về an toàn ở bệnh nhân trẻ em từ 6 tháng - 2 tuổi không thay đổi khi điều trị đến 3 tháng.

Nói chung montelukast dung nạp tốt. Các tác dụng không mong muốn thường nhẹ và thường không cần ngừng thuốc. Tỷ lệ chung của các tác dụng không mong muốn của viên nén nhai montelukast tương đương với nhóm placebo.

Trẻ em từ 2 tuổi đến 14 tuổi bị viêm mũi dị ứng theo mùa

Đã có nghiên cứu đánh giá viên nén nhai montelukast trên 280 bệnh nhi 2 - 14 tuổi để điều trị viêm mũi dị ứng theo mùa trong các nghiên cứu lâm sàng có đối chứng placebo trong 2 tuần. Dùng viên nén nhai montelukast một lần mỗi ngày vào buổi tối thường dung nạp tốt với thuốc tính an toàn tương đương với nhóm placebo. Trong nghiên cứu này, các tác dụng không mong muốn không liên quan đến thuốc được ghi nhận ở $\geq 1\%$ người bệnh dùng viên nén nhai montelukast và có tỷ lệ cao hơn so với nhóm placebo.

Phân tích tổng hợp từ kinh nghiệm thử nghiệm lâm sàng

Đã tiến hành phân tích tổng hợp 41 thử nghiệm lâm sàng có đối chứng placebo (gồm 35 nghiên cứu ở người bệnh ≥ 15 tuổi và 6 nghiên cứu ở bệnh nhi 6 - 14 tuổi) bằng phương pháp đánh giá hợp lệ về tình trạng tự tử. Trong số 9929 người bệnh dùng viên nén nhai montelukast và 7780 người bệnh dùng placebo trong các nghiên cứu này, chỉ có một bệnh nhân có ý tưởng tự tử ở nhóm dùng viên nén nhai montelukast. Không có các trường hợp nào đã tiến hành tự sát hoặc mưu tính tự tử hoặc có các hành động chuẩn bị hướng đến hành vi tự tử ở cả hai nhóm điều trị.

Đã tiến hành một phân tích tổng hợp riêng rẽ khác từ 46 thử nghiệm lâm sàng có đối chứng placebo (35 nghiên cứu ở người bệnh ≥ 15 tuổi, 11 nghiên cứu ở bệnh nhi từ 3 tháng đến 14 tuổi) đánh giá các tác dụng bất lợi liên quan đến hành vi (BRAE). Trong số 11.673 người bệnh dùng viên nén nhai montelukast và 8.827 người bệnh dùng placebo ở các nghiên cứu này, tỷ lệ bệnh nhân có ít nhất 1 BRAE ở nhóm dùng viên nén nhai montelukast và placebo lần lượt là 2,73% và 2,27%; với tỉ số chênh là 1,12 (95% CI [0,93; 1,36]).

Các thử nghiệm lâm sàng trong các phân tích tổng hợp này không phải được thiết kế chuyên biệt để đánh giá hành vi tự tử hoặc BRAE.

Danh sách các phản ứng không mong muốn được lập bảng

Các phản ứng không mong muốn được báo cáo trong quá trình sử dụng sau tiếp thị được liệt kê, theo hệ cơ quan và các phản ứng không mong muốn cụ thể, trong bảng dưới đây. Các tác dụng không mong muốn sau đây được báo cáo với các tần suất tương ứng dựa trên các thử nghiệm lâm sàng liên quan: *Rất thường gặp* ($ADR \geq 10$), *thường gặp* ($1/100 \leq ADR < 10$), *ít gặp* ($1/1.000 \leq ADR < 1/100$), *hiếm gặp* ($1/10.000 \leq ADR < 1/1.000$), *rất hiếm gặp* ($ADR < 1/10.000$) và *không biết* (không thể ước tính từ dữ liệu sẵn có).

Hệ cơ quan	Tần suất	Phản ứng không mong muốn
Nhiễm khuẩn và nhiễm ký sinh trùng	<i>Rất thường gặp</i>	Nhiễm khuẩn đường hô hấp trên ^(a) .
Rối loạn máu và hệ bạch huyết	<i>Hiếm gặp</i>	Tăng xu hướng chảy máu.
	<i>Rất hiếm gặp</i>	Giảm tiểu cầu.
Rối loạn hệ miễn dịch	<i>Ít gặp</i>	Phản ứng quá mẫn bao gồm phản vệ.
	<i>Rất hiếm gặp</i>	Thâm nhiễm bạch cầu ưa eosin ở gan
Rối loạn tâm thần	<i>Ít gặp</i>	Mơ bất thường bao gồm cơn ác mộng, mất ngủ, mộng du, lo âu, kích động bao gồm hành vi gây hấn hoặc thù địch, trầm cảm, tăng động tâm thần-vận động (bao gồm dễ bị kích thích, bồn chồn, run rẩy ^(c)).
	<i>Hiếm gặp</i>	Rối loạn chú ý, suy giảm trí nhớ, bệnh tic.
	<i>Rất hiếm gặp</i>	Ảo giác, mất định hướng, ý nghĩ và hành vi tự tử, các triệu chứng ám ảnh cưỡng chế, loạn phát âm.
Rối loạn hệ thần kinh	<i>Ít gặp</i>	Chóng mặt, buồn ngủ, dị cảm/giảm cảm giác, co giật.
Rối loạn tim	<i>Hiếm gặp</i>	Đánh trống ngực.
Rối loạn hô hấp, lồng ngực và trung thất	<i>Ít gặp</i>	Chảy máu cam.
	<i>Rất hiếm gặp</i>	Hội chứng Churg-Strauss (CSS).
	<i>Rất hiếm gặp</i>	Tăng bạch cầu ưa eosin ở phổi.
Rối loạn tiêu hóa	<i>Thường gặp</i>	Tiêu chảy ^(b) , buồn nôn ^(b) , nôn ^(b) .
	<i>Ít gặp</i>	Khô miệng, khó tiêu.

Rối loạn gan mật	<i>Thường gặp</i>	Tăng nồng độ transaminase huyết thanh (ALT, AST).
	<i>Rất hiếm gặp</i>	Viêm gan (bao gồm tổn thương gan ứ mật, tổn thương tế bào gan và tổn thương gan dạng hỗn hợp).
Rối loạn da và mô dưới da	<i>Thường gặp</i>	Phát ban ^(b) .
	<i>Ít gặp</i>	Bầm tím, nổi mề đay, ngứa.
	<i>Hiếm gặp</i>	Phù mạch.
	<i>Rất hiếm gặp</i>	Hồng ban nút, hồng ban đa dạng.
Rối loạn cơ xương và mô liên kết	<i>Ít gặp</i>	Đau khớp, đau cơ, bao gồm chuột rút cơ.
Rối loạn thận và tiết niệu	<i>Ít gặp</i>	Đái dầm ở trẻ em.
Rối loạn chung	<i>Thường gặp</i>	Sốt ^(c) .
	<i>Ít gặp</i>	Suy nhược/mệt mỏi, khó chịu, phù nề.

^(a)Tác dụng không mong muốn này, được báo cáo là *Rất thường gặp* ở những bệnh nhân dùng montelukast, cũng được báo cáo là *Rất thường gặp* ở những bệnh nhân dùng giả dược trong các thử nghiệm lâm sàng.

^(b)Tác dụng không mong muốn này, được báo cáo là *Thường gặp* ở những bệnh nhân dùng montelukast, cũng được báo cáo là *Thường gặp* ở những bệnh nhân dùng giả dược trong các thử nghiệm lâm sàng.

^(c)Loại tần suất: Hiếm gặp.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc hoặc báo cáo các phản ứng có hại của thuốc về Trung tâm Quốc gia về Thông tin Thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Quá liều

Trong các nghiên cứu hen suyễn mạn tính, viên nén nhai montelukast đã được dùng ở liều lên đến 200 mg/ngày cho bệnh nhân người lớn trong 22 tuần và trong các nghiên cứu ngắn ngày với liều tới 900 mg/ngày cho bệnh nhân trong khoảng 1 tuần, không thấy có phản ứng phụ quan trọng trên lâm sàng.

Đã có báo cáo về ngộ độc cấp trong kinh nghiệm sau khi thuốc được đưa ra thị trường và nghiên cứu lâm sàng với viên nén nhai montelukast. Bao gồm các báo cáo ở người lớn và trẻ em với liều cao nhất lên tới 1000 mg. Những kết quả trong phòng thí nghiệm và trong lâm sàng phù hợp với tổng quan về độ an toàn ở người lớn và các bệnh nhi. Trong phần lớn các báo cáo về quá liều, không gặp các phản ứng không mong muốn. Những phản ứng hay gặp nhất cũng tương tự như dữ liệu về thuốc tính an toàn của viên nén nhai montelukast bao gồm đau bụng, buồn ngủ, khát, đau đầu, nôn và tăng kích động.

Cách xử trí

Không có thông tin cụ thể trong điều trị quá liều với montelukast. Chưa rõ montelukast có thể thẩm tách được qua màng bụng hay lọc máu.

Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC LÝ

Dược lực học

Nhóm dược lý: Thuốc đối kháng chọn lọc trên thụ thể (receptor) của leukotrien, ức chế đặc hiệu thụ thể cysteinyl leukotrien CysLT₁.

Mã ATC: R03DC03

Các cysteinyl leukotrien (LTC_4 , LTD_4 , LTE_4) là những eicosanoid có tiềm năng gây viêm mạnh, được giải phóng từ các tế bào khác nhau bao gồm tế bào hạt và bạch cầu ưa eosin. Các chất trung gian quan trọng tiền hen này được gắn vào các thụ thể cysteinyl leukotrien (CysLT). Các thụ thể CysLT type 1 (CysLT₁) được tìm thấy trong đường thở của người, bao gồm các tế bào cơ trơn và đại thực bào của đường thở và trong các tế bào tiền viêm khác (bao gồm bạch cầu ưa eosin và một số tế bào gốc tủy xương). CysLT có liên quan với cơ chế sinh bệnh của hen và viêm mũi dị ứng. Trong bệnh hen, các tác dụng qua trung gian của leukotrien bao gồm một số tác dụng lên đường thở, như làm co thắt phế quản, tiết chất nhầy, tăng tính thấm mao mạch và huy động bạch cầu ưa eosin. Trong viêm mũi dị ứng, CysLT được tiết từ niêm mạc mũi sau khi tiếp xúc với dị nguyên trong các phản ứng ở các pha nhanh và chậm và có liên quan tới các triệu chứng viêm mũi dị ứng. CysLT trong mũi sẽ làm tăng sự cản trở đường thở và các triệu chứng tắc nghẽn ở mũi.

Montelukast dạng uống là chất có tính chống viêm, cải thiện được các thông số về viêm trong hen. Dựa vào các thử nghiệm về hóa sinh và dược lý, montelukast chứng tỏ có ái lực cao và có độ chọn lọc với thụ thể CysLT₁ (tác dụng này trội hơn ở các thụ thể khác cũng quan trọng về dược lý, như các thụ thể prostanoid, cholinergic hoặc β -adrenergic). Montelukast ức chế mạnh các tác dụng sinh lý của LTC_4 , LTD_4 , LTE_4 tại thụ thể CysLT₁ mà không hề có tác dụng chủ vận.

Ở bệnh nhân hen, montelukast ức chế các thụ thể cysteinyl leukotrien ở đường thở chứng minh qua khả năng ức chế sự co thắt phế quản do hít LTD_4 . Với các liều dưới 5 mg đã phong bế được sự co thắt phế quản do LTD_4 . Montelukast gây giãn phế quản trong 2 giờ sau khi uống; những tác dụng này hiệp đồng với sự giãn phế quản nhờ dùng chất chủ vận β .

Nghiên cứu lâm sàng trong hen

Trong các nghiên cứu lâm sàng, montelukast có hiệu lực ở người bệnh người lớn và trẻ em để ngăn ngừa và điều trị hen mạn tính, bao gồm ngăn ngừa sự co thắt phế quản do tập luyện. Montelukast có hiệu lực khi dùng riêng rẽ hoặc khi phối hợp với các thuốc khác trong chỉ định duy trì để điều trị hen mạn tính. Có thể phối hợp montelukast với corticosteroid dạng hít, sẽ có tác dụng hiệp đồng để kiểm soát hen hoặc để giảm bớt liều lượng corticosteroid hít trong khi duy trì sự ổn định lâm sàng.

Người từ 15 tuổi trở lên

Trong hai nghiên cứu mù kép, kéo dài 12 tuần, có đối chứng placebo, được thiết kế tương tự nhau, ở người bệnh từ 15 tuổi trở lên bị hen, dùng montelukast uống mỗi ngày 1 lần một liều 10 mg vào buổi tối, cho thấy có cải thiện rõ rệt về các thông số kiểm soát hen đo đạc qua các triệu chứng hen, hậu quả do hen, chức năng hô hấp và “nhu cầu” sử dụng chất chủ vận β .

Montelukast cải thiện rõ rệt các triệu chứng ban ngày qua báo cáo của người bệnh và sự thức giấc ban đêm, so sánh với placebo. Hậu quả đặc hiệu của hen, bao gồm xuất hiện các cơn hen, cần sự trợ giúp của corticosteroid, ngừng thuốc do cơn hen nặng hơn, cơn kịch phát hen và số ngày thoát khỏi hen đều được cải thiện rõ so với placebo. Những đánh giá tổng quát của bác sỹ và người bệnh về hen, cũng như các đánh giá về chất lượng sống đặc hiệu với bệnh hen (trong mọi lĩnh vực, bao gồm hoạt động bình thường hàng ngày và các triệu chứng hen) đều tốt hơn rõ rệt so với ở nhóm chứng. Montelukast cải thiện rõ rệt thể tích thở ra gắng sức trong giây đầu tiên vào buổi sáng (FEV_1), tốc độ thở ra tối đa buổi sáng và buổi chiều (PEFR) và cũng làm giảm một cách có ý nghĩa nhu cầu thuốc chủ vận β khi so sánh với placebo.

Hiệu quả điều trị thường đạt được sau liều đầu tiên và duy trì trong khoảng 24 giờ. Hiệu quả điều trị cũng ổn định khi dùng liên tục mỗi ngày 1 lần trong các thử nghiệm kéo dài tới 1 năm. Ngừng thuốc sau khi dùng viên nén nhai montelukast 12 tuần không gây phản ứng dội ngược làm bệnh hen nặng thêm.

So sánh với beclomethason dạng hít (mỗi lần 200 μ g, 2 lần mỗi ngày bằng dụng cụ khuếch tán), thấy montelukast có đáp ứng ban đầu nhanh hơn, mặc dù qua nghiên cứu kéo dài 12 tuần, beclomethason có tác dụng điều trị trung bình lớn hơn. Tuy nhiên, nhóm dùng montelukast có tỷ lệ phần trăm cao đạt được đáp ứng lâm sàng tương đương beclomethason dạng hít.

Trẻ em từ 6 tuổi đến 14 tuổi

Trẻ em 6 - 14 tuổi, dùng một viên nhai 5 mg vào buổi tối làm giảm rõ rệt cơn kịch phát hen, cải thiện sự đánh giá tổng quát của bố mẹ và chất lượng sống đặc hiệu do hen ở trẻ em, so sánh với placebo. montelukast cũng cải thiện rõ rệt FEV₁ buổi sáng, làm giảm tổng “nhu cầu” liều trong ngày của chất chủ vận β . Hiệu quả điều trị đạt được sau liều đầu tiên và ổn định tới 6 tháng dùng liên tục, mỗi ngày một lần.

Sự tăng trưởng ở bệnh nhi mắc bệnh hen

Hai nghiên cứu lâm sàng có đối chứng cho thấy montelukast không ảnh hưởng lên khả năng phát triển cơ thể ở bệnh nhi trước khi dậy thì mắc bệnh hen. Trong một nghiên cứu trên trẻ em từ 6 tuổi đến 11 tuổi, sự phát triển cơ thể được đánh giá bằng sự phát triển chiều dài cẳng chân, nhóm dùng montelukast 5 mg mỗi ngày một lần trong 3 tuần kết quả cũng tương tự như nhóm dùng giả dược, và ở nhóm dùng budesonid dạng khí dung (200 μ g mỗi ngày hai lần) trong 3 tuần thì thấp hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với nhóm dùng giả dược. Trong một nghiên cứu kéo dài 56 tuần ở trẻ em từ 6 đến 8 tuổi, biểu đồ phát triển ở trẻ dùng montelukast 5 mg mỗi ngày một lần tương tự như nhóm dùng giả dược (giá trị LS trung bình cho montelukast và giả dược tương ứng là: 5,67 và 5,64 cm/năm), và ở nhóm dùng beclomethason khí dung (200 μ g, mỗi ngày hai lần) thì trị số này thấp hơn một cách có ý nghĩa (giá trị LS trung bình: 4,86 cm/năm) ở bệnh nhi dùng khí dung, so với nhóm dùng giả dược [khác biệt giá trị trung bình LS (Với độ tin cậy 95%) là: -0,78 (-1,06; -0,49) cm/năm]. Cả hai montelukast và beclomethason đều cho lợi ích lâm sàng trong điều trị các bệnh nhân hen nhẹ một cách có ý nghĩa so với nhóm dùng giả dược.

Trẻ em từ 6 tháng tới 5 tuổi

Trong nghiên cứu 12 tuần, đối chứng placebo ở trẻ em 2 - 5 tuổi, cho uống viên nén nhai montelukast mỗi ngày một lần 4 mg, đã cải thiện vững bền các thông số kiểm soát hen, không phụ thuộc vào điều trị phối hợp với thuốc ngừa hen, so sánh với placebo. 60% người bệnh không dùng cách điều trị kiểm soát hen khác. Montelukast cải thiện rõ các triệu chứng ban ngày (bao gồm ho, khò khè, rối loạn về thở và hạn chế hoạt động) và các triệu chứng ban đêm khi so sánh với placebo. Montelukast cũng làm giảm rõ rệt “nhu cầu” thuốc chủ vận β và corticosteroid cấp cứu so với placebo. Người bệnh dùng montelukast có ngày hết hen nhiều hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với người bệnh ở nhóm placebo. Hiệu lực điều trị thấy ngay sau liều đầu tiên. Thêm nữa, số lượng bạch cầu ưa eosin trong máu toàn phần cũng giảm rõ rệt.

Hiệu lực của montelukast ở trẻ em từ 6 tháng tuổi tới 2 tuổi được ngoại suy từ kết quả ở bệnh nhi trên 2 tuổi bị hen và dựa vào các dữ liệu dược động học tương tự cũng như vào liệu trình, sinh lý bệnh học và tác dụng của thuốc về cơ bản tương đương khi so sánh 2 nhóm tuổi trên đây.

Tác dụng trên người bệnh dùng phối hợp corticosteroid dạng hít

Những nghiên cứu riêng rẽ ở người lớn cho thấy khả năng montelukast dùng phối hợp với corticosteroid dạng hít có tác dụng hiệp đồng trong lâm sàng và cho phép giảm liều steroid khi dùng phối hợp. Trong nghiên cứu có đối chứng placebo, người bệnh khởi đầu dùng corticosteroid dạng hít với liều khoảng 1600 μ g mỗi ngày, trong giai đoạn sử dụng placebo đã giảm được tỷ lệ sử dụng steroid khoảng 37%. Hơn nữa, montelukast còn giúp giảm 47% liều corticosteroid dạng hít so với 30% ở nhóm dùng placebo. Trong một nghiên cứu khác, montelukast đem lại lợi ích lâm sàng cộng thêm trên các đối tượng được duy trì nhưng không kiểm soát được thích đáng với corticosteroid dạng hít (mỗi ngày dùng 400 μ g beclomethason). Ngừng hoàn toàn và đột ngột beclomethason ở người bệnh dùng phối hợp iên nén nhai montelukast với beclomethason gây tác hại về lâm sàng ở một số trường hợp, chứng tỏ nên ngừng thuốc dần dần theo mức dung nạp hơn là ngừng đột ngột. Với người bệnh mẫn cảm với aspirin, hầu hết trong số đó là khi phối hợp corticosteroid với dạng hít và/hoặc uống, viên nén nhai montelukast đã có cải thiện đáng kể về các thông số kiểm soát hen.

Tác dụng trên người bệnh co thắt phế quản do gắng sức

Montelukast mỗi ngày uống một lần 10 mg sẽ ngăn ngừa được sự co thắt phế quản do gắng sức ở người từ 15 tuổi trở lên. Trong nghiên cứu 12 tuần, montelukast cho thấy ức chế rõ rệt mức độ và thời gian giảm sút FEV₁ hơn 60 phút sau gắng sức, phần trăm giảm FEV₁ tối đa sau gắng sức và

thời gian hồi phục 5% của FEV₁ trước khi gắng sức. Hiệu quả bảo vệ này là hằng định xuyên suốt quá trình điều trị, chứng tỏ không có tình trạng quen thuốc. Trong một nghiên cứu bắt chéo riêng biệt, thấy tác dụng bảo vệ này đạt được sau 2 ngày dùng thuốc, mỗi ngày uống một lần. Với bệnh nhi 6 - 14 tuổi, cho uống viên nén nhai 5 mg, trong một nghiên cứu bắt chéo tương tự, cũng thấy có tác dụng bảo vệ như ở người lớn và sự bảo vệ này được duy trì suốt khoảng cách liều (24 giờ).

Tác dụng trên viêm trong hen

Trong các nghiên cứu lâm sàng, montelukast được chứng minh ức chế cả sự co thắt phế quản ở pha sớm và pha muộn do dị nguyên. Vì sự thâm nhiễm tế bào viêm (bạch cầu ưa eosin) là đặc trưng quan trọng của bệnh hen, nên đã có khảo sát ảnh hưởng của montelukast lên bạch cầu ưa eosin ở máu ngoại biên và ở đường thở. Trong các nghiên cứu lâm sàng ở pha IIb/III, montelukast cho thấy làm giảm rõ rệt các bạch cầu ưa eosin ở máu ngoại biên, giảm 15% so với khởi điểm và so với placebo. Ở bệnh nhi từ 6 đến 14 tuổi, montelukast làm giảm bạch cầu ưa eosin ở máu ngoại biên 13% qua 8 tuần điều trị so với nhóm placebo. Montelukast cũng làm giảm rõ rệt bạch cầu ưa eosin ở đường thở, trong đờm so với nhóm placebo. Trong nghiên cứu này, lượng bạch cầu ưa eosin ở máu ngoại biên giảm và tiêu chí đánh giá lâm sàng về hen cải thiện trong nhóm điều trị với montelukast.

Nghiên cứu lâm sàng - viêm mũi dị ứng

Hiệu lực của montelukast trong điều trị viêm mũi dị ứng theo mùa được nghiên cứu trong các thử nghiệm tương tự ngẫu nhiên, mù kép, kéo dài 2 tuần, có đối chứng placebo, trên 4924 người bệnh (có 1751 người dùng montelukast). Những người bệnh từ 15 tuổi trở lên, có tiền sử viêm mũi dị ứng theo mùa, xét nghiệm ngoài da dương tính trong ít nhất một mùa gập dị nguyên và có những triệu chứng rõ rệt về viêm mũi dị ứng theo mùa vào lúc khởi đầu công trình nghiên cứu.

Trong một phân tích phối hợp của 3 nghiên cứu chủ chốt, sử dụng viên nén 10 mg montelukast cho 1189 người bệnh (mỗi ngày 1 lần vào buổi tối) làm cải thiện rõ rệt các tiêu chí chính, chỉ số các triệu chứng ở mũi lúc ban ngày và các biểu hiện lâm sàng (như xung huyết mũi, chảy nước mũi, ngứa mũi, hắt hơi); chỉ số các triệu chứng ban đêm (như xung huyết mũi khi thức, khó ngủ, thức giấc nhiều lần ban đêm); chỉ số tổng hợp các triệu chứng (bao gồm cả hai chỉ số triệu chứng mũi ban ngày và ban đêm); và qua đánh giá tổng quát của người bệnh và bác sĩ về viêm mũi dị ứng so với placebo.

Trong một nghiên cứu khác kéo dài 4 tuần, viên nén nhai montelukast mỗi ngày 1 lần vào buổi sáng cho thấy hiệu lực trong 2 tuần đầu mạnh hơn rõ rệt so với placebo và phù hợp với hiệu lực đạt được trong các nghiên cứu dùng liều vào buổi tối. Hơn nữa, hiệu lực qua toàn bộ 4 tuần cũng nhất quán với các kết quả của 2 tuần.

Với người bệnh trên 15 tuổi bị viêm mũi dị ứng theo mùa, montelukast cho thấy làm giảm trung bình 13% lượng bạch cầu ưa eosin trong máu ngoại biên so với placebo, qua các thời kỳ điều trị mù kép.

Hiệu lực của montelukast điều trị viêm mũi dị ứng quanh năm được nghiên cứu trong hai nghiên cứu có đối chứng placebo, thiết kế tương tự, chia nhóm ngẫu nhiên, mù kép kéo dài 6 tuần, trên 3235 người bệnh (trong đó 1632 người dùng montelukast). Tuổi người bệnh là 15 - 82 tuổi có tiền sử viêm mũi dị ứng quanh năm, xét nghiệm da kết quả dương tính do dị nguyên quanh năm (bao gồm dị nguyên bụi nhà, lông súc vật, bào tử mốc) và có các triệu chứng nổi bật về viêm mũi dị ứng quanh năm khi khởi đầu điều trị.

Trong một nghiên cứu, montelukast 10 mg sử dụng 1 lần mỗi ngày cho 1000 bệnh nhân được chứng minh cải thiện rõ rệt về tiêu chí chính, các chỉ số về triệu chứng ở mũi ban ngày (xung huyết mũi, chảy nước mũi, hắt hơi) so với placebo. montelukast cũng cho thấy cải thiện viêm mũi dị ứng qua đánh giá của bệnh nhân như nêu trong tiêu chí phụ về Đánh Giá Toàn Cầu triệu chứng Viêm Mũi Dị Ứng bởi Bệnh Nhân, và thang điểm đánh giá chung Chất Lượng Cuộc Sống Trong Bệnh Viêm Kết Mạc - Mũi (trung bình điểm số của 7 lĩnh vực hoạt động: giấc ngủ, các triệu chứng không-mũi/không-mắt, các vấn đề trong thực hành, các triệu chứng ở mũi, các triệu chứng ở mắt, cảm xúc) so sánh với placebo.

Hiệu lực của montelukast trong điều trị viêm mũi dị ứng theo mùa ở bệnh nhi 2 - 14 tuổi và trong điều trị viêm mũi dị ứng quanh năm ở bệnh nhi 6 tháng đến 14 tuổi được chứng minh bằng cách ngoại suy từ hiệu lực của thuốc này ở người bệnh ≥ 15 tuổi bị viêm mũi dị ứng cùng với giả định là diễn biến bệnh, bệnh học và tác dụng của thuốc về cơ bản đều giống nhau ở các quần thể này.

Dược động học

Hấp thu

Sau khi uống, montelukast hấp thu nhanh và hầu như hoàn toàn. Với viên nén bao phim 10 mg, nồng độ C_{max} đạt được 3 giờ (T_{max}) sau uống đối với người lớn, uống thuốc lúc bụng đói. Sinh khả dụng khi dùng thuốc đường uống là 64%. Sinh khả dụng và C_{max} không bị ảnh hưởng bởi bữa ăn chuẩn.

Với viên nén nhai 5 mg, C_{max} đạt 2 giờ sau khi người lớn uống lúc đói. Sinh khả dụng khi uống là 73%. Thức ăn không có ảnh hưởng lớn trong lâm sàng khi dùng thuốc dài ngày.

Với viên nén nhai 4 mg, nồng độ C_{max} đạt được 2 giờ sau uống đối với bệnh nhi 2 - 5 tuổi, uống thuốc lúc đói.

Dạng cốm uống 4 mg có tương đương sinh học với viên nén nhai 4 mg khi dùng cho người lớn lúc đói. Việc dùng montelukast dạng cốm hạt chung với nước sốt táo hoặc trong bữa ăn chuẩn không gây ảnh hưởng lâm sàng đáng kể nào tới dược động học của thuốc xác định bởi diện tích dưới đường cong AUC (1225,7 so với 1223,1 ng·giờ/mL có hoặc không có kèm nước sốt táo và 1191,8 so với 1148,5 ng·giờ/mL có hoặc không có kèm bữa ăn chuẩn).

Hiệu lực và độ an toàn đã được chứng minh qua các nghiên cứu lâm sàng, khi dùng viên nén nhai 4 mg, viên nén nhai 5 mg, viên nén bao phim 10 mg, uống không tính đến thời gian bữa ăn. Độ an toàn của montelukast cũng được chứng minh trong nghiên cứu lâm sàng đối với uống dạng cốm hạt 4 mg mà không tính đến thời gian bữa ăn.

Phân bố

Hơn 99% montelukast gắn kết với protein huyết tương. Thể tích phân bố (V_d) trong trạng thái ổn định của montelukast là 8 - 11 lít. Nghiên cứu trên chuột cống với montelukast đánh dấu cho thấy thuốc rất ít phân bố qua hàng rào máu não. Hơn nữa, nồng độ của chất đánh dấu sau khi uống 24 giờ là tối thiểu trong mọi mô khác.

Chuyển hóa

Montelukast chuyển hóa rất mạnh. Trong các nghiên cứu với liều điều trị, các nồng độ trong huyết tương của các chất chuyển hóa của montelukast không tìm thấy được trong trạng thái ổn định ở người lớn và trẻ em.

Nghiên cứu *in vitro*, sử dụng microsom gan người, cho thấy cytochrom P450 3A4 và 2C9 tham gia vào quá trình chuyển hóa của montelukast. Dựa vào các kết quả khác *in vitro* trên microsom gan người, thấy các nồng độ điều trị của montelukast trong huyết tương không ức chế các cytochrom P450 3A4, 2C9, 1A2, 2A6, 2C19 hay 2D6.

Thải trừ

Độ thanh lọc của montelukast trong huyết tương là 45 mL/phút ở người lớn khỏe mạnh. Sau khi uống montelukast đánh dấu, 86% chất đánh dấu được tìm thấy trong phân của tổng cộng 5 ngày và dưới 0,2% thải qua nước tiểu. Điều này cùng với sự tính toán sinh khả dụng của montelukast dùng đường uống cho thấy montelukast và các chất chuyển hóa của thuốc được thải gần như hoàn toàn qua mật. Trong một số nghiên cứu, thời gian bán thải trong huyết tương của montelukast là 2,7 - 5,5 giờ ở người trẻ tuổi khỏe mạnh. Dược động học của montelukast hầu như tuyến tính khi uống tới liều 50 mg. Không có sự khác biệt về dược động học khi uống thuốc vào buổi sáng hoặc tối. Khi uống 10 mg montelukast một lần trong ngày, hầu như rất ít tích lũy chất mẹ montelukast trong huyết tương (xấp xỉ 14%).

Đối tượng đặc biệt: Không cần chỉnh liều đối với bệnh nhân lớn tuổi, bệnh nhân suy thận hoặc suy gan nhẹ đến trung bình. Không có bằng chứng lâm sàng trên bệnh nhân suy gan nặng (điểm số Child-Pugh >9).

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên.

BẢO QUẢN: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN: TCCS.

Cơ sở sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN

Lô C16, Đường Số 9, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2026



ĐS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo

